

MỤC LỤC

Nguyễn Quang Bình - Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam – Minh chứng sinh động luận điểm “khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp” của C.Mác	2
Nguyễn Thị Thanh Thủy, Đỗ Năng Thắng - Thu hút FDI vào Việt Nam - Cơ hội và thách thức.....	7
Bùi Thị Thanh Tâm, Hà Quang Trung, Đỗ Xuân Luận - Giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận nghèo đa chiều tại tỉnh Thái Nguyên.....	13
Nguyễn Quang Bình - Biện pháp quản lý hoạt động thu thuế kinh doanh trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay.....	19
Dương Thị Huyền Trang, Lê Thị Thanh Thương - Phân bổ quỹ thời gian giữa nữ giới và nam giới - Nghiên cứu trường hợp tại Thái Nguyên	24
Lương Tình, Đoàn Gia Dũng - Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng đổi mới công nghệ trong nông nghiệp của nông dân: Một cách nhìn tổng quan.....	29
Nguyễn Tiến Long, Nguyễn Chí Dũng - Vai trò của khu vực FDI với tăng năng suất lao động ở Việt Nam.....	34
Nguyễn Quang Hợp, Đỗ Thùy Ninh, Dương Mai Liên - Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	42
Ngô Thị Mỹ, Trần Văn Dũng - Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường ASEAN: Thực trạng và gợi ý chính sách.....	49
Dương Hoài An, Trần Thị Lan, Trần Việt Dũng, Nguyễn Đức Thu - Tác động của vốn đầu tư đến kết quả sản xuất chè trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Việt Nam	54
Phạm Văn Hạnh, Đàm Văn Khanh - Ảnh hưởng của hành vi khách hàng đến việc kiểm soát cảm xúc của nhân viên – Ảnh hưởng tương tác của chuẩn mực xã hội	59
Nguyễn Thanh Minh, Nguyễn Văn Thông, Lê Văn Vĩnh - Quản lý dịch vụ chăm sóc khách hàng tại Viễn Thông Quảng Ninh.....	63
Đỗ Thị Hoàng Yến, Phạm Văn Hạnh - Khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nhượng quyền thương mại tại Thái Nguyên	69
Nguyễn Thị Phương Hảo, Hoàng Thị Hồng Nhung, Trần Văn Dũng - Công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.....	74
Nguyễn Việt Dũng - Tác động của cấu trúc vốn đến rủi ro tài chính của doanh nghiệp xi măng niêm yết tại Việt Nam.....	82
Trần Thị Nhung - Hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị tại các doanh nghiệp sản xuất và chế biến chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	88
Ngô Thị Hương Giang, Phạm Tuấn Anh - Chất lượng dịch vụ tín dụng đối với các hộ sản xuất của Agribank chi nhánh huyện Đồng Hỷ	94

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN CHÈ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Trần Thị Nhung

Nghiên cứu là sản phẩm của đề tài KHCN cấp Đại học Thái Nguyên năm 2016 mã số ĐH2016-TN08-06

Tóm tắt

Kế toán quản trị là một công cụ quan trọng trong công tác quản lý của các nhà quản trị tại doanh nghiệp. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị là phương tiện để cung cấp thông tin mà kế toán quản trị đã thu nhận, xử lý và hệ thống hóa theo các chỉ tiêu kinh tế, tài chính nhất định, nhằm thỏa mãn yêu cầu thông tin cụ thể cho nhà quản trị doanh nghiệp trong việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Tại nước ta, các văn bản pháp quy, thông tư hướng dẫn về kế toán quản trị nói chung và hệ thống báo cáo nói riêng còn hạn chế. Thông tư số 53/2006/TT-BTC ngày 12/06/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp đã ra đời nhưng mới chỉ mang tính chất hướng dẫn, dẫn đến việc vận dụng hệ thống báo cáo kế toán quản trị tại các doanh nghiệp đặc biệt là tại các doanh nghiệp sản xuất và chế biến chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên còn nhiều hạn chế. Hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị theo từng chức năng quản trị giúp nhà quản trị trong doanh nghiệp sản xuất và chế biến chè trên địa bàn tỉnh thái nguyên có thông tin và chủ động hơn trong công tác quản trị doanh nghiệp.

Từ khóa: Kế toán quản trị, hệ thống thông tin kế toán quản trị, doanh nghiệp sản xuất và chế biến chè

COMPLETING THE SYSTEM OF ACCOUNTING REPORTS IN TEA PRODUCTION AND PROCESSING ENTERPRISES IN THAI NGUYEN PROVINCE

Abstract

Management accounting is an important tool in the management of corporate executives. Management accounting reporting system is a means to provide information that management accounting has received, processed and systematized according to certain economic and financial criteria in order to satisfy the information requirements. Specifically for corporate executives in the management and operation of production and business. In Vietnam, legal documents, circulars guiding management accounting in general and reporting system in particular are limited. Circular No. 53/2006 / TT-BTC dated June 12, 2006 of the Ministry of Finance guiding the application of managerial accounting in enterprises was born, but only for guidance, leading to the application of the system. management accounting reports in enterprises, especially Tea production and processing enterprises in Thai Nguyen Province are still limited. Manage the system management management by the administrator by the admin management by each administrator in the Tea production and processing enterprises in Thai Nguyen Province have information and root in the business manager.

Keywords: Management accounting, management accounting information system, tea production and processing enterprises

1. Đặt vấn đề

Theo kết quả điều tra dựa trên số liệu cung cấp của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên và sự đối chiếu số liệu thông qua cổng thông tin tra cứu nộp thuế của Tổng cục Thuế Việt Nam, tính đến thời điểm ngày 1/3/2016 cho thấy: Tổng số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chè thống kê được là 58 doanh nghiệp, trong đó có 15 doanh nghiệp đã ngừng hoạt động, 10 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn. Như vậy, tính đến thời điểm này toàn địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 33 doanh nghiệp sản xuất và chế biến chè đang hoạt động. Vậy nguyên nhân gây cho doanh nghiệp sản xuất và chế biến chè gặp khó khăn trong công tác

quản lý là do đâu? Trước hết là do chính bản thân nội tại từ phía doanh nghiệp. Để phát triển bền vững, trước hết các doanh nghiệp trước hết cần xây dựng một hệ thống bộ máy quản lý vững chắc. Chính vì vậy, những giải pháp hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị là rất cần thiết cho các doanh nghiệp sản xuất và chế biến chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay.

2. Cơ sở lý luận về hệ thống báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp sản xuất và chế biến

Hệ thống báo cáo kế toán quản trị (KTQT) là phương tiện để cung cấp thông tin mà KTQT đã thu nhận, xử lý và hệ thống hóa theo các chỉ tiêu kinh tế, tài chính nhất định, nhằm thỏa mãn yêu

cầu thông tin cụ thể cho nhà quản trị doanh nghiệp (DN) trong việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Đề KTQT có thể cung cấp những thông tin hữu ích giúp các nhà quản trị DN đưa ra các quyết định quản lý phù hợp, kịp thời, cần thiết phải tổ chức hệ thống báo cáo KTQT khoa học, hợp lý để cung cấp thông tin mọi mặt về quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của DN theo yêu cầu của từng nhà quản trị các cấp khác nhau trong DN.

Các DN Việt Nam đều có thể áp dụng mô hình tổ chức KTQT kết hợp với kế toán tài chính (KTTC), nhưng hệ thống báo cáo KTQT không giống nhau vì nó còn phụ thuộc phạm vi, quy mô, loại hình sản phẩm, dịch vụ, đặc điểm tổ chức SXKD, yêu cầu và trình độ quản lý của từng DN. Đặc biệt nó còn phụ thuộc vào yêu cầu thông tin cụ thể cho quản trị DN trong từng thời kỳ, thời điểm, cũng phụ thuộc rất nhiều vào trình độ của cán bộ kế toán nói chung, kế toán trưởng DN nói riêng. Như vậy, ở các DN khác nhau, số lượng báo cáo KTQT, nội dung thông tin cần báo cáo và kết cấu mẫu biểu báo cáo KTQT rất khác nhau, mà nó cũng thay đổi giữa các thời kỳ ngay cùng một DN vì yêu cầu thông tin cho quản trị DN luôn có sự biến động.

Trên giác độ chung nhất, các DN thường lập các báo cáo KTQT để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của từng loại vật tư, tài sản, nguồn vốn cụ thể để giúp những người quản lý DN nắm chắc và quản lý chặt chẽ tài sản, giám sát tình hình sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả; các báo cáo KTQT để phản ánh doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận và toàn bộ DN ...

Hệ thống báo cáo KTQT hệ thống báo cáo chi sử dụng trong nội bộ DN nên cần được xây dựng phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ quản lý nội bộ của từng DN và theo từng cấp độ quản lý cụ thể; nội dung hệ thống báo cáo KTQT cần đảm bảo cung cấp đầy đủ và đảm bảo tính so sánh được của các thông tin phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành và ra các quyết định kinh tế của nhà quản trị DN; các chỉ tiêu trong báo cáo KTQT cần phải được thiết kế phù hợp với các chỉ tiêu của kế hoạch, dự toán và báo cáo tài chính nhưng có thể thay đổi theo yêu cầu quản lý của các cấp.

Như vậy, hệ thống báo cáo KTQT trong DN phải được xây dựng phù hợp với đối tượng sử dụng, yêu cầu sử dụng tại mỗi DN và thông tin có thể thay đổi theo yêu cầu quản trị các cấp. Chính vì vậy, yêu cầu đối với việc thiết lập thông tin trên báo cáo KTQT là phải cung cấp thông tin

phù hợp trên những phương diện: Đối tượng sử dụng, thời gian sử dụng, chi phí phù hợp.

Đề lập báo cáo KTQT, cần phải tổ chức thu nhận và xử lý thông tin phù hợp, tức là phải tổ chức hệ thống chứng từ, TK và sổ kế toán phục vụ cho mục đích thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin tương ứng cần phản ánh trong báo cáo KTQT.

Nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị, hệ thống báo cáo KTQT cần phải thiết kế bao gồm các loại cơ bản sau:

- Hệ thống báo cáo định hướng hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin định hướng, các chỉ tiêu dự toán giúp DN chuẩn bị các điều kiện đảm bảo, tổ chức triển khai hoạt động. Đây cũng là cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện;

- Hệ thống báo cáo kết quả kinh doanh nhằm cung cấp thông tin thực hiện trên mọi lĩnh vực của DN, là cơ sở để kiểm soát, định hướng cho kế hoạch hoạt động trong tương lai của DN;

- Hệ thống báo cáo biến động kết quả và nguyên nhân của hoạt động kinh doanh, cung cấp thông tin chênh lệch giữa thực hiện so với dự toán hoặc mục tiêu và những nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động này nhằm giúp nhà quản trị kiểm soát, đánh giá tình hình, xác định nguyên nhân biến động;

- Hệ thống báo cáo chứng minh quyết định quản trị cung cấp thông tin giải trình quyết định quản trị là hợp lý, phù hợp, đảm bảo mục tiêu hoạt động SXKD của bộ phận và toàn DN.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu tác giả đã vận dụng kết hợp các phương pháp thu thập dữ liệu; tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu,... Các phương pháp này đều xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử nhằm giải quyết các vấn đề liên quan một cách biện chứng và logic.

- Phương pháp thu thập dữ liệu:

+ Dữ liệu thứ cấp: Dữ liệu thứ cấp thu thập được từ nội bộ các DN SX&CB chế (số liệu được lấy từ các phòng ban, các bộ phận: Phòng kinh doanh, phòng kế toán, phòng tổ chức, bộ phận sản xuất, bộ phận bán hàng,...), bên cạnh đó, tài liệu thứ cấp còn được thu thập từ các kết quả nghiên cứu đã công bố của các nhóm tác giả, các sách báo, tài liệu có liên quan đến đề tài; các văn bản của Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê, của Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi cục Thuế, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên,... các báo cáo tổng kết, báo cáo tình hình SXKD của ngành chế Việt Nam và của tỉnh Thái Nguyên,...

+ Dữ liệu sơ cấp: Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát bằng phương pháp phỏng vấn, quan sát, bảng câu hỏi, cụ thể:

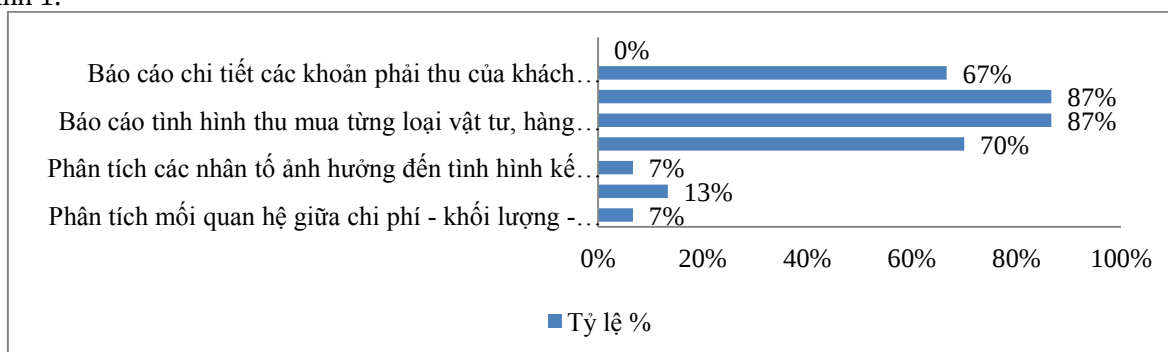
Với phương pháp phỏng vấn trực tiếp và điện thoại, đối tượng phỏng vấn được tác giả chia thành những nhóm chính: nhóm quản lý là lãnh đạo DN, cán bộ thực hiện công tác kế toán chuyên môn tại các DN.

Với phương pháp quan sát, nhóm tác giả trực tiếp tới các DN chè tiếp cận thực tế tình hình cơ sở vật chất, hệ thống chứng từ, sổ sách, vùng chè, đồi chè,...

Với phương pháp bảng câu hỏi: nhóm tác giả thiết kế hai loại phiếu điều tra gửi tới hai nhóm đối tượng trong DN SX&CB chè. Phiếu điều tra được gửi tới 33 DN SX&CB chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- *Phương pháp xử lý số liệu:*

Thông qua những phiếu điều tra được gửi trả về, kết hợp với số liệu từ việc điều tra quan sát, phỏng vấn trực tiếp, tác giả sử dụng chương trình Excel để tổng hợp các phiếu điều tra, xử lý, phân tích số liệu. Kết quả điều tra được trình bày ở hình 1.



Hình 1: Kết quả tổng hợp hệ thống báo cáo DN SX&CB chè thường chè sử dụng

Nguồn: Tác giả tổng hợp, tính toán dựa trên kết quả khảo sát

- *Hệ thống báo cáo dự toán:* Theo kết quả khảo sát, hệ thống báo cáo dự toán tại DN chè có số lượng rất ít. Một số các bản dự toán được lập ở các DN chè là bản dự toán từ việc xin các chương trình hỗ trợ từ phía Nhà nước nhằm mục đích mua máy móc, thuê đất,... Hệ thống dự toán đều có những nội dung tương đồng giữa các DN. Chẳng hạn: Bản phương án đầu tư máy móc thiết bị bảo quản chè của Công ty Cổ phần Tổ hợp CEO Việt Nam được lập năm 2014 bao gồm các dự toán: Dự toán đầu tư các hạng mục phương án; dự toán cơ cấu lao động tiền lương; dự toán chi phí sản xuất ổn định một năm tài chính.

- *Hệ thống báo cáo thực hiện:* Theo kết quả điều tra hiện nay hệ thống báo cáo thực hiện của các DN chè chủ yếu được xây dựng bởi bộ phận kế toán và chủ yếu báo cáo được lập từ nguồn số liệu của KTTC. Các DN như Công ty Cổ phần

4. Kết quả nghiên cứu thực trạng hệ thống báo cáo kế toán quản trị tại các doanh nghiệp sản xuất và chế biến chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Để đánh giá thực trạng xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị tại các DN sản xuất và chế biến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tác giả đã xây dựng bảng câu hỏi và gửi tới trên 33 DN sản xuất và chế biến (SX&CB) chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Bên cạnh đó tác giả đã nghiên cứu thực tế tại một số DN (Công ty Cổ phần Chè Tân Cương Hoàng Bình, Công ty Cổ phần Tổ hợp CEO Việt Nam, Công ty Cổ phần XNK Thái Nguyên,...). Từ đó tác giả đã có được những nhận định sơ bộ về thực trạng xây dựng hệ thống báo cáo KTQT như sau:

Theo kết quả điều tra sơ bộ, hệ thống báo cáo KTQT tại các DN chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chủ yếu tập trung ở báo cáo thực hiện do KTTC cung cấp, các dạng báo cáo dự toán, kiểm soát còn hạn chế, cụ thể (Hình 1)

Chè Quân Chu, Công ty Cổ phần Chè Vạn Tài, Công ty Cổ phần Chè Tân Cương - Hoàng Bình, Công ty TNHH một thành viên Chè Sông Cầu,... là những DN được đánh giá là có truyền thống lâu đời, quy mô SXKD chè lớn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Những công ty như trên thì hệ thống báo cáo thực hiện được lập đầy đủ hơn so với các DN tư nhân. Như vậy, nhìn chung hệ thống báo cáo thực hiện của DN mới chỉ lấy chủ yếu từ nguồn KTTC, được tổng hợp từ các loại sổ kế toán chi tiết, các DN chưa xây dựng hệ thống báo cáo thực hiện phù hợp với đặc điểm riêng của DN mình. Một số các báo cáo như báo cáo các khoản phải thu, phải trả chỉ theo dõi số lượng tiền tương đương với các khoản phải thu, phải trả của từng đơn vị, cá nhân liên quan mà không thể hiện được thời gian nợ, thời hạn nợ,... để DN đánh giá, phân tích khả năng chi trả các

khoản nợ đến hạn cũng như kiểm soát mức độ rủi ro của cá khoản nợ tới hạn. Ngoài ra hệ thống báo cáo về chi phí, doanh thu mới chỉ thể hiện tình hình thực hiện chi phí, doanh thu của toàn DN, phần lớn các DN chưa có hệ thống báo cáo theo dõi riêng về chi phí, doanh thu cho từng bộ phận, từng phân xưởng, từng cửa hàng, đại lý, hay đơn hàng,...

- *Hệ thống báo cáo kiểm soát:* Theo kết quả điều tra, phần lớn các DN chè chưa có hệ thống báo cáo kiểm soát riêng, hệ thống báo cáo chủ yếu được lấy từ báo cáo trong KTTC (Báo cáo nhập-xuất-tồn, báo cáo doanh thu, chi phí,...). Tại một số DN có lập báo cáo kiểm soát thì công tác lập báo cáo không được chuẩn bị sẵn, khi nhà quản trị có nhu cầu đến thì kế toán mới tiến hành thiết kế và lập.

- *Hệ thống báo cáo phục vụ ra quyết định:* Theo điều tra thực tế tại các DN chè, những quyết định chủ yếu trong DN chưa được dựa trên cơ sở của báo cáo KTQT, khi có các quyết định quản trị thì thông tin mà nhà quản trị muốn kế toán cung cấp thường không phải là thông tin đã được phân tích và chọn lọc để đưa ra các thông tin thích hợp cho từng phương án mà những thông tin đó chủ yếu là trên các sổ sách, báo cáo KTTC đơn thuần.

5. Giải pháp hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị tại các doanh nghiệp sản xuất và chế biến chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Xuất phát từ thực trạng công tác lập hệ thống báo cáo kế toán quản trị tại các DN sản xuất và chế biến chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên còn nhiều hạn chế. Hệ thống báo cáo KTQT ở các DN chè hiện nay chưa đồng bộ, chưa đầy đủ... chưa đáp ứng yêu cầu quản trị DN. Để cung cấp thông tin cho nhà quản trị thực hiện chức năng quản lý, kiểm soát và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong DN, cần thiết kế và soạn thảo hệ thống báo cáo KTQT một cách khoa học, hợp lý. Việc hoàn thiện hệ thống báo cáo KTQT còn đảm bảo cung cấp thông tin cho bộ phận quản lý và người lao động trong DN tham gia quản lý và kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát huy trí tuệ tập thể trong việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, chống lãng phí, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Báo cáo KTQT được lập trên cơ sở số liệu tổng hợp ở các sổ KTQT đã được mở theo yêu cầu quản trị kinh doanh ở DN (có kết hợp với các nguồn thông tin khác từ hạch toán thống kê, hạch

toán nghiệp vụ, phân tích kinh doanh...) để giải trình nguyên nhân v.v...

Hiện nay, phần lớn các DN chè thường chỉ quan tâm đến quản trị chi phí, giá thành, doanh thu và kết quả, thậm chí chỉ quan tâm đến doanh thu và kết quả nên còn nhiều hạn chế trong quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, chưa đạt được kết quả mong muốn. Để đạt được mục tiêu lợi nhuận tối đa (và những mục tiêu cụ thể khác) của DN, rõ ràng nhà quản trị không thể chỉ quan tâm đến chi phí, giá thành, doanh thu, kết quả mà còn cần thiết nắm bắt cả thông tin về tình hình đảm bảo, quản lý và sử dụng lao động, vật tư, nguồn vốn vì đây là cái gốc của sản xuất kinh doanh, đồng thời việc quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực này sẽ đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu kinh tế - tài chính của DN và ngược lại. Như vậy, DN cần thiết phải hoàn thiện tổ chức hệ thống báo cáo KTQT, tạo ra hệ thống báo cáo KTQT đồng bộ, đầy đủ, chi tiết, đáp ứng mọi yêu cầu của nhà quản trị trong việc quản lý, kiểm soát và điều hành sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- *Hoàn thiện hệ thống báo cáo KTQT trong DN phải đảm bảo được các nguyên tắc cơ bản sau:*

+ Phải xuất phát từ nhu cầu thông tin của nhà quản trị DN: Nhà quản trị cần những thông tin gì? Chi tiết và cụ thể hóa đến mức độ nào? thì thiết kế hệ thống báo cáo KTQT phù hợp như thế, nhằm cung cấp thông tin thích hợp và có nghĩa với người sử dụng.

+ Hệ thống chỉ tiêu trên báo cáo KTQT phải phù hợp với chỉ tiêu kinh tế đã được lập kế hoạch (dự toán) và phải sắp xếp một cách khoa học theo trình tự hợp lý, phù hợp với đặc điểm và trình độ quản lý của DN. Số liệu trên các báo cáo KTQT phải phù hợp, thống nhất với những chỉ tiêu tổng hợp quan trọng trên BCTC để giúp nhà quản trị DN có cái nhìn nhất quán về tình hình thực hiện chỉ tiêu kinh tế - tài chính đó, tức là thông tin chi tiết phải được thu nhận và xử lý cùng số liệu đầu vào với thông tin tổng hợp chứ không phải nguồn số liệu khác hay con số ước tính không có căn cứ. Tuy nhiên, có thể tổng số chi tiết sẽ không bằng số tổng hợp vì có thể nhà quản trị không cần số liệu chi tiết toàn bộ nên KTQT không thu thập toàn bộ. Nhưng nếu doanh nghiệp được trang bị máy vi tính, có sử dụng phần mềm kế toán ứng dụng thì có thể theo dõi chi tiết toàn bộ để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

+ Thông tin trình bày trên báo cáo KTQT phải đảm bảo dễ hiểu, so sánh được: Các chỉ tiêu phản ánh trên báo cáo KTQT phải dễ hiểu, phù hợp với nhận thức của người sử dụng thông tin

trực tiếp mà báo cáo KTQT cung cấp (theo từng cấp cụ thể). Các nhà quản trị cấp cao cần thông tin tổng hợp, còn các nhà quản trị cấp thấp hơn cần thông tin chi tiết tương ứng với chức năng của họ. Có như vậy mới giúp nhà quản trị tập trung chú ý và hiểu được tình hình thực tế một cách cụ thể, không bị chi phối, tản mạn chú ý bởi những thông tin không cần thiết. Báo cáo KTQT phải đảm bảo phản ánh đầy đủ cả số thực hiện và số dự toán về từng loại nghiệp vụ kinh tế tài chính để có thể nhanh chóng phát hiện chênh lệch hay sự biến động bất thường, sự thoát ly định mức của từng chỉ tiêu để có thể đưa ra giải pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.

+ Báo cáo KTQT phải đảm bảo tính kịp thời, phản ánh đầy đủ, chi tiết về từng loại nghiệp vụ kinh tế, tài chính: Tính kịp thời được coi trọng hơn tính chính xác khi nhà quản trị cần được cung cấp thông tin nhanh (cực kỳ nhanh) để sớm đưa ra quyết định giải quyết vấn đề, đón đúng thời cơ, đảm bảo thắng thế trong cạnh tranh. Ví dụ kỳ tính giá thành của DN là hàng tháng, đến ngày 25 của tháng nào đó, có một hợp đồng mua hàng lớn đề nghị mức giá riêng biệt. Nhà quản trị cần biết được thông tin về giá thành sản xuất trong tháng để có quyết định phù hợp. Lúc này có thể cung cấp thông tin về chi phí của 25 ngày trong tháng cộng với ước tính 5 ngày còn lại theo chi phí định mức để báo cáo cho nhà quản trị giá thành ước tính của tháng một cách tương đối chính xác cho nhà quản trị đưa ra quyết định nên nhận hay từ chối đơn hàng (tuy nhiên để đưa ra quyết định nhận hay từ chối đơn hàng còn cần phải sử dụng một số thông tin liên quan khác). Thông tin chi tiết, đầy đủ đến mức độ nào là tùy theo yêu cầu quản trị DN trong từng thời kỳ, thời điểm. Bởi vì không phải mọi thời gian đều cần cung cấp thông tin KTQT như nhau. Tuy nhiên, khi thiết kế mẫu biểu báo cáo KTQT cũng cần chú ý đến việc thay đổi, linh hoạt của thông tin KTQT cần cung cấp để thiết kế mẫu biểu báo cáo KTQT có thể sử dụng được lâu dài. Ví dụ thời điểm này cần thông tin chi tiết theo vùng lãnh thổ, thời điểm khác lại cần thông tin chi tiết theo từng quy cách mẫu mã sản phẩm v.v... nên cần chú ý các thông tin có thể theo dõi chi tiết khi thiết kế mẫu biểu báo cáo cho phù hợp.

+ Thiết kế hệ thống báo cáo KTQT phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả: Phải chú ý so sánh lợi ích thu được khi sử dụng thông tin với chi phí bỏ ra để thu thập thông tin đó. Không nên thiết kế mẫu biểu quá rườm rà, chi tiết đến mức không cần thiết gây tốn kém thời gian, chi phí thu thập, xử lý thông tin, có thể lại làm cho

những con số không còn đủ sức thu hút sự chú ý của nhà quản trị khi nó bị chia cắt quá nhỏ...

+ Thiết kế báo cáo KTQT phải đảm bảo tính khả thi, tức là có thể thu thập được các thông tin phản ánh trên báo cáo trong điều kiện cụ thể của DN (và tính đến tương lai gần). Muốn vậy, thiết kế báo cáo kế toán quản trị phải đồng bộ với chứng từ, tài khoản chi tiết và sổ KTQT, đồng thời phải phù hợp với trình độ của nhân viên kế toán.

Như vậy, báo cáo KTQT mang tính linh hoạt không thể quy định thống nhất như trong báo cáo KTTC. Số lượng và mẫu biểu báo cáo KTQT không chỉ khác nhau giữa các DN mà có thể còn khác nhau giữa các giai đoạn (thời điểm) của một DN cụ thể. Bởi vì báo cáo KTQT nó phụ thuộc vào yêu cầu quản trị của từng DN trong từng khoảng thời gian, còn báo cáo KTTC đã được quy định theo mẫu thống nhất theo chế độ, chuẩn mực kế toán.

- *Xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị trong DN SX&CB chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*

+ *Hệ thống báo cáo cung cấp thông tin dự toán:* Do đặc điểm của DN SX&CB chè trên địa bàn tỉnh đều là DN có quy mô nhỏ và vừa, bộ máy quản lý có đặc điểm tương đối nhỏ gọn, ít phòng ban nên phần lớn hoạt động lập dự toán chỉ được thực hiện chủ yếu tại bộ phận kế toán. Chính vì vậy, để công tác lập dự toán một cách tốt nhất thì bộ phận kế toán cần kết hợp với các bộ phận khác liên quan như bộ phận sản xuất, bộ phận bán hàng, mua hàng để thực hiện lập các báo cáo dự toán.

Một số loại báo cáo dự toán mà DN SX&CB chè cần quan tâm đó là: Dự toán thu mua nguyên liệu chè, báo cáo dự toán chi phí sản xuất, báo cáo dự toán doanh thu, báo cáo dự toán lợi nhuận.

Để xây dựng báo cáo dự toán chi phí sản xuất, KTQT cần căn cứ vào đặc điểm sản xuất của DN SX&CB chè đó là sản xuất chủ yếu theo đơn đặt hàng và sản xuất nhằm gửi đại lý, các cửa hàng. Như vậy, DN cần lập dự toán chi phí cho từng loại mặt hàng cụ thể và cho các đơn đặt hàng.

Đối với dự toán doanh thu thì DN chè cần căn cứ vào các phương thức bán hàng của DN để xây dựng dự toán. Hai phương thức bán hàng chủ yếu của các DN chè là phương thức bán hàng theo đơn đặt hàng và phương thức bán hàng qua cửa hàng, đại lý. Chính vì thế, các DN cần xây dựng dự toán doanh thu tiêu thụ theo hai phương thức trên.

+ *Hệ thống báo cáo cung cấp thông tin thực hiện:* Báo cáo thực hiện trong DN là cơ sở để nhận định, kiểm soát, đánh giá tình hình thực hiện. Như vậy, báo cáo thực hiện cần được xây dựng theo các bản báo cáo dự toán để làm cơ sở đánh giá, kiểm soát mọi hoạt động trong DN.

Các loại báo cáo thực hiện ngoài những báo cáo trong KTTC mà DN thường lập thì DN cần lập thêm các loại báo cáo sau:

Báo cáo tình hình thực hiện thu mua nguyên liệu chế, báo cáo chi phí sản xuất, báo cáo doanh thu, báo cáo lợi nhuận.

Ngoài ra để theo dõi, giám sát mọi hoạt động trong DN thì DN chế còn cần phải lập: Báo cáo hoạt động SXKD theo trung tâm trách nhiệm thể hiện chi phí, doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu tỷ lệ chi phí trên giá bán, tỷ lệ lợi nhuận trên giá bán, tỷ suất lợi nhuận trên vốn, vốn phân chia theo từng cấp quản trị, các thông tin khác như giá vốn HTK cuối kỳ, nợ phải thu tồn đọng, chi phí SXKD dở dang cuối kỳ, chi phí trả trước tồn đọng cuối kỳ, chi phí phải trả tồn đọng cuối kỳ, chi phí tồn thất trong kỳ theo từng trung tâm chi phí, trung tâm doanh thu, trung tâm lợi nhuận và trung tâm đầu tư.

+ *Hệ thống báo cáo cung cấp thông tin kiểm soát:* Để thuận tiện cho công tác theo dõi biến động tình hình SXKD trong DN, hệ thống báo cáo kiểm soát của DN chế cần được xây dựng căn cứ vào báo cáo dự toán và báo cáo thực hiện mà DN đã lập.

+ *Hệ thống báo cáo phục vụ ra quyết định:*

DN chế thường gặp các quyết định về chiến lược giá, về lựa chọn phương án đầu tư. Để có được các quyết định trên các DN chế cần xây dựng hệ thống báo cáo theo các phương pháp xử lý thông tin phục vụ cho việc ra quyết định trên.

Báo cáo dựa trên phương pháp phân tích mối quan hệ C-V-P. Báo cáo này dựa trên việc nhận diện chi phí theo cách ứng xử chi phí như biến phí, định phí và những khái niệm cơ bản trong phân tích mối quan hệ C-V-P, bao gồm: Báo cáo phân tích tiêu chuẩn phương án kinh doanh; báo cáo phân tích giá bán,...

6. Kết luận

Hệ thống báo cáo KTQT có yếu tố quyết định chiến lược trong mọi chính sách của DN. Các DN SX&CB chế Thái Nguyên cần thấy được vai trò quan trọng của công tác lập hệ thống báo cáo KTQT, cần có những giải pháp kịp thời nhằm xây dựng và hoàn thiện hệ thống báo cáo KTQT. Bên cạnh nỗ lực từ phía các DN thì cần có sự tạo lực từ phía nhà nước, Bộ Tài chính cần ban hành thêm thông tư hướng dẫn cụ thể giúp DN lập báo cáo tài chính, việc lập báo cáo tài chính cần được hướng dẫn chi tiết theo đặc thù lĩnh vực hoạt động của các DN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Tài chính.(2006) *Thông tư số 53/2006/TT-BTC ngày 12/06/2006 của Bộ Tài chính Hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp.*
- [2]. <http://congdoan.most.gov.vn/>
- [3]. <http://songcong.gov.vn/index/HOMEPAGE/39/574/574/aticle/14453>
- [4]. Đoàn Xuân Tiên. (2009). *Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp.* NXB Tài chính.

Thông tin tác giả:

1, Trần Thị Nhung

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: nhungtt,tueba@gmail.com

Ngày nhận bài: 18/03/2018

Ngày nhận bản sửa: 28/03/2018

Ngày duyệt đăng: 30/03/2018